

ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO HƯỚNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Phạm Công Nhất*

Tóm tắt

Giáo dục đại học là một trong những nội dung hết sức quan trọng của hầu hết các nền giáo dục quốc gia trong thế giới đương đại. Tại Việt Nam, công tác giáo dục đại học đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm và đã đạt được những thành tựu quan trọng góp phần phát triển nguồn nhân lực đất nước qua các thời kỳ cách mạng. Tuy vậy, trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục đại học ở nước ta đang đứng trước nhiều khó khăn và những thách thức đòi hỏi cần có những giải pháp khắc phục căn bản và toàn diện, trong đó yếu tố hội nhập quốc tế được coi là một trong những giải pháp căn bản để đưa giáo dục đại học Việt Nam tiếp tục phát triển.

Từ khóa: đổi mới giáo dục đại học, hội nhập quốc tế, giáo dục đại học Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục đại học là một trong những nội dung hết sức quan trọng của hầu hết các nền giáo dục quốc gia trong thế giới đương đại. Trong bối cảnh thế giới ngày càng xích lại gần nhau trong môi trường toàn cầu hóa, công tác tổ chức giáo dục đại học ở mỗi quốc gia do đó cũng cần phải thay đổi theo với các mức độ khác nhau cho phù hợp. Cùng với quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế chung của đất nước, giáo dục đại học Việt Nam cũng cần được đổi mới theo xu hướng hội nhập quốc tế với phương châm tiệm cận được những chuẩn chung của thế giới nhưng cũng cần giữ được những nét đặc thù của giáo dục đại học nước nhà trong bối cảnh đất nước đang hội nhập sâu rộng vào không gian chung của thế giới hiện nay.

Giáo dục đại học (higher education) là giai đoạn giáo dục thường diễn ra ở các trường đại học, viện đại học, đại học, trường cao đẳng, học viện, và viện công nghệ. Tại Việt Nam hiện nay, mặc dù chưa có định nghĩa chính thức về giáo dục đại

học¹ nhưng qua các văn bản nghiên cứu đã được công bố có thể hiểu giáo dục đại học là hình thức tổ chức giáo dục cho các bậc học sau giai đoạn bậc phổ thông với các trình độ đào tạo: gồm trình độ cao đẳng, trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ.

Xét về mặt lịch sử, nền giáo dục đại học đã xuất hiện ở nước ta cách đây trên cả nghìn năm². Cho đến nay, lịch sử giáo dục đại học Việt Nam đã trải qua các nền giáo dục khác nhau: phong kiến, thuộc địa và chủ nghĩa thực dân mới (ở miền Nam Việt Nam trước 1975). Sự nghiệp giáo dục đại học trong cuộc cách mạng mới ở Việt Nam ra đời từ sau cách mạng Tháng Tám 1945 cho đến nay đã gần 70 năm. Trong gần 70 năm qua, giáo dục đại học Việt Nam đã đạt được những thành tựu hết sức quan trọng. Trong đó, thành tựu quan trọng nhất chính

¹ Luật giáo dục đại học của Việt Nam năm 2012 trong phần giải thích từ ngữ (Điều 4) không nêu định nghĩa về giáo dục đại học.

² Năm 1070 dưới triều vua Lý Nhân Tông đã cho xây dựng nhà Quốc Tử Giám dùng làm nơi mở khoa thi tuyển chọn nhân tài cho đất nước, đây được coi là trường đại học đầu tiên ở Việt Nam.

* PGS, TS, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN

là nó đã góp phần tạo ra các thể hệ nguồn lực con người Việt Nam nhân tố quyết định đến thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trước đây và cả nước hiện nay. Tuy nhiên, khi bước vào giai đoạn đổi mới và quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu hơn thì nền giáo dục của chúng ta ngày càng bộc lộ những bất cập và hạn chế. Trong bài báo này, chúng tôi chỉ phân tích sự hạn chế, bất cập của giáo dục đại học Việt Nam so với xu hướng phát triển giáo dục đại học phổ biến trên thế giới hiện nay trên ba phương diện: mục tiêu, nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

2. Thực trạng về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học ở giáo dục đại học

Về mục tiêu, một thời gian dài do nhiều nguyên nhân khác nhau nên chúng ta chưa chú trọng đúng mức đến việc đặt ra mục tiêu cho nền giáo dục của quốc gia trong đó có giáo dục đại học. Thời gian gần đây, mặc dù mục tiêu giáo dục đại học ở nước ta có sự thay đổi như quan niệm mục đích của giáo dục đại học là đào tạo nhân tài (Luật giáo dục Việt Nam năm 2012). Nhưng hiểu thế nào là nhân tài thì hiện nay quan niệm của chúng ta còn chưa thống nhất. Nếu coi nhân tài là người có sáng kiến, có khả năng, năng động đóng góp thêm một bước quan trọng vào sự phát triển dù trong lĩnh vực nghiên cứu lý luận hay hoạt động thực tiễn, nghĩa là nhân tài phải là những người nổi trội và hiếm trong xã hội thì mục tiêu này khó đặt ra đối với chất lượng thực tế của giáo dục đại học Việt Nam hiện nay. Trong thực tế, các trường đại học Việt Nam hiện nay nhiều lắm chỉ có khả năng trang bị cho người học (sinh viên, học viên hay nghiên cứu sinh...) kiến thức cơ bản, trang bị tinh thần phân tích độc lập, dám suy nghĩ

và biết suy nghĩ (suy nghĩ có phương pháp – tư duy khoa học) để phát huy khả năng của người học có thể trở thành nhân tài. Như vậy rõ ràng là ngay cả khi chúng ta đổi mới mục tiêu giáo dục đại học thì mục tiêu này cũng không phù hợp với khả năng cũng như chất lượng thực tế của nền giáo dục đại học trong nước. Trong khi đó, rất nhiều quốc gia trên thế giới và ngay cả các quốc gia có nền giáo dục đại học tiên tiến khi đặt ra mục tiêu giáo dục bao giờ họ cũng nêu lên những ước nguyện rất thực tế. Theo Tiến sĩ Vũ Quang Việt³, các trường Đại học ở Mỹ tỏ ra nhún nhường hơn trong việc đặt ra mục tiêu của giáo dục đại học (cho hệ 4 năm), tức là không đặt vấn đề đào tạo nhân tài, nhưng mục đích của họ phản ánh những điều nói ở trên. Một trường đại học danh tiếng ở Mỹ đã viết mục tiêu đại học của mình như sau: “Mục đích của môi trường giáo dục và sinh hoạt sinh viên là đào tạo những cá nhân thành đạt và công dân có trách nhiệm. Người tốt nghiệp cảm thấy tự tin trong việc tìm hiểu rộng rãi nhiều vấn đề và kinh nghiệm ở môi trường đại học hay ngoài đời, dù là học bất cứ ngành chuyên môn nào”. Chữ “thành đạt” (accomplished) có thể hiểu là có hiểu biết về tri thức cơ bản do đó tự tin, được sửa soạn kỹ càng để tự tin vào đời và vào thị trường lao động (kiếm sống cũng như phát triển tri thức). Nhưng mục đích đào tạo thành những “công dân có trách nhiệm” (responsible citizens) thì đã quá rõ⁴. Những mục tiêu như thế này thì hầu hết các trường đại học ở Việt Nam hiện nay ít đặt ra hoặc coi nhẹ nên cũng là một

³ Tiến sĩ kinh tế tại New York University, hiện là vụ trưởng Vụ Tài khoản Quốc gia, Cục Thống kê Liên Hợp Quốc

⁴ Vũ Quang Việt, So sánh chương trình giáo dục đại học Mỹ và Việt Nam – Kỷ yếu Hội thảo khoa học về tổ chức, quản lý giáo dục đại học, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.

trong những nguyên nhân góp phần làm giảm chất lượng sản phẩm (người học) sau đào tạo.

Về nội dung, mặc dù những năm qua đã có nhiều cố gắng đổi mới, cải cách thay đổi nội dung giáo dục ở các cấp học theo hướng tiến bộ hơn, song nhìn chung so với một số nước trong khu vực và trên thế giới thì nền giáo dục của chúng ta vẫn còn lạc hậu, nhất là nội dung giáo dục ở bậc đại học. Nhìn tổng thể cho thấy, phần lớn nội dung và chương trình giáo dục các cấp hiện nay ở nước ta đều được biên soạn hoặc còn chịu ảnh hưởng bởi nội dung, chương trình giáo dục của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là từ nền giáo dục Xô Viết (Liên xô cũ) trước đây. Một thời gian dài, những nội dung và chương trình giáo dục này khá phù hợp với nền giáo dục của nước ta và nó đã mang lại những thành tựu hết sức quan trọng. Tuy nhiên trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay thì nội dung chương trình giáo dục đại học nước ta hiện đã và đang bộc lộ rất nhiều bất cập và hạn chế, như:

- Nội dung kiến thức đào tạo còn nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa tạo được sự thống nhất gắn mục tiêu giáo dục với mục tiêu tìm kiếm việc làm đối với người học.

- Chưa tạo được sự liên thông giữa các chuẩn mực giáo dục đại học trong nước và quốc tế. Mặc dù đặt dưới sự quản lý và giám sát chặt chẽ của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng trên thực tế khả năng liên thông kiến thức giữa các cơ sở giáo dục đại học ở nước ta hiện nay còn rất hạn chế, ít thừa nhận và tiếp nhận các kết quả đào tạo của nhau nên người học rất khó khăn khi chuyển trường, chuyển ngành học. Việc liên thông kiến thức giữa các cơ sở giáo dục đại học trong nước và ngoài nước lại càng khó khăn hơn do có sự khác biệt về

mục tiêu, nội dung và phương pháp đào tạo giữa các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế (trừ các chương trình liên kết đào tạo theo thỏa thuận) nên không những gây khó khăn cho người học khi muốn chuyển cơ sở giáo dục từ trong nước ra ngoài nước mà việc công nhận văn bằng, chứng chỉ được các cơ sở giáo dục trong nước tại các nước mà người học chuyển đến định cư hoặc công tác cũng rất khó khăn.

- Chương trình học còn nặng với thời lượng lớn. Một thống kê và so sánh cho thấy thời gian học 4 năm ở một lớp đại học tại Việt Nam là 2138 giờ so với Mỹ là 1380 giờ⁵. Như vậy chương trình ở Việt Nam dài hơn 60% so với Mỹ. Với thời gian học nhiều như vậy nên khó trách người học rơi vào trạng thái luôn bị áp lực về việc hoàn thành các chương trình môn học, ít có thời gian để tự học, tự nghiên cứu hoặc tham gia vào các hoạt động xã hội khác. Nhìn chung, trong bối cảnh hội nhập quốc tế chương trình giáo dục đại học tại Việt Nam hiện nay đã tỏ ra lạc hậu, bất cập và kém hiệu quả. Đây cũng được coi là nguyên nhân cơ bản khiến nền giáo dục đại học Việt Nam đang có xu hướng tụt hậu hiện nay.

Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đại học ở nước ta hiện nay nhìn chung chưa tiếp cận được các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đại học phổ biến của thế giới. Với mục tiêu “nhấn mạnh đến kỹ năng xử lý vấn đề đặt ra trong cuộc sống hơn là tập trung vào việc làm đầy kiến thức đã có sẵn”, nên việc áp dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học của các trường đại học hiện nay trên thế giới thường rất linh hoạt dựa trên tinh thần đề cao vai trò của người học, tạo điều kiện tối đa cho người học có thể tự học, tự

⁵ Vũ Quang Việt, So sánh chương trình giáo dục đại học Mỹ và Việt Nam – Tài liệu đã dẫn, tr. 3.

ngiên cứu. Tuy nhiên, tại Việt Nam hiện nay do quan niệm “nền giáo dục cần trang bị cho người học một lượng kiến thức càng nhiều càng tốt để họ có thể có một nền tảng vững chãi khi ra trường”⁶ nên vai trò, vị trí của người học chưa thực sự được quan tâm. Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học còn khá lạc hậu. Kết quả khảo sát thực địa của Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ năm 2006 có phần nhận xét về phương pháp dạy và học đại học của Việt Nam như sau: “Phương pháp giảng dạy không hiệu quả, quá phụ thuộc vào các bài thuyết trình và ít sử dụng các kỹ năng học tích cực, kết quả là có ít sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên trong và ngoài lớp học; Quá nhấn mạnh vào ghi nhớ kiến thức theo kiểu thuộc lòng mà không nhấn mạnh vào việc học khái niệm hoặc học ở cấp độ cao (như phân tích và tổng hợp), dẫn đến hậu quả là học hời hợt thay vì học chuyên sâu; Sinh viên học một cách thụ động”⁷. Mặc dù, những năm gần đây theo chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhiều trường đại học, cao đẳng trong cả nước đã bắt đầu áp dụng phương pháp giảng dạy cho sinh viên theo phương thức tín chỉ nhưng theo nhiều chuyên gia đánh giá: “đào tạo tín chỉ ở Việt Nam hiện chưa thực sự đúng với tinh thần của tín chỉ. Cách dạy, học vẫn còn chưa thoát khỏi tinh thần niên chế. Tính chủ động của sinh viên còn yếu kém”⁸. Sự đổi mới về phương pháp giảng dạy trong các trường đại học ở nước ta hiện nay nhiều khi chỉ mang tính hình thức. Thiết bị giảng dạy như: máy chiếu, video ... chỉ là phương tiện hỗ trợ để nâng cao chất lượng giảng dạy

nhưng quan trọng hơn cả là việc ý thức được giáo dục phải mang tính sáng tạo, tinh thần trách nhiệm thể hiện qua việc cải tiến về phương pháp và chương trình học thì vẫn chưa được chú trọng.

Các bất cập, yếu kém trên đây đang góp phần tạo ra sự tụt hậu trong giáo dục đại học ở Việt Nam và sự tụt hậu này đã và đang tác động tiêu cực đến nhiều mặt khác nhau trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội:

Một là, chất lượng nguồn nhân lực sau đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế. Theo một nghiên cứu tại 60 doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh khi khảo sát về “Đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng của sinh viên được đào tạo trong 5 năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp (đánh giá dựa trên các tiêu chí kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành, trình độ ngoại ngữ, tác phong làm việc và năng lực nghề nghiệp) cho thấy chỉ có 5% trong tổng số sinh viên tham gia khảo sát được đánh giá ở mức độ tốt, 15% mức độ khá, 30% mức độ trung bình và 40% mức độ không đạt⁹. Kết quả này không chỉ phản ánh yếu kém trong giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay mà gián tiếp chỉ báo một nguy cơ cho thấy trong điều kiện các doanh nghiệp đã và đang sử dụng công nghệ tự động trong quản lý nhân lực, nếu lao động Việt Nam không tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, rèn luyện tác phong công nghiệp, tính kỷ luật, chuyên nghiệp sẽ tụt hậu so với các nước khác trong khu vực.

Hai là, hạn chế về khả năng nghiên cứu và công bố các kết quả nghiên cứu. Hầu hết các nền giáo dục tiên tiến của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới hiện nay đều có khả năng tạo ra một đội ngũ các

⁶ Lê Minh Khôi: Giáo dục Việt Nam - nguy cơ tụt hậu khi ra trường (<http://huc.edu.vn>)

⁷ Ngô Tử Thành: Cần đổi mới cách giảng dạy ở đại học, dantri.com.vn, ngày 12/3/2010.

⁸ Mỹ Quỳnh: Đào tạo tín chỉ ở Việt Nam còn nhiều bất cập, Báo Thanh niên, ngày 14/2/2012

⁹ Doanh nghiệp “chăm điểm” sinh viên (Báo Tuổi trẻ online, ngày 22/5/2014)

nhà khoa học đông đảo có khả năng nghiên cứu và công bố các kết quả nghiên cứu trong nước và quốc tế với số lượng lớn. Cùng với xu thế hội nhập, số lượng và chất lượng ấn phẩm khoa học quốc tế trở thành thước đo quan trọng, chỉ số khách quan không chỉ phản ánh sự phát triển khoa học công nghệ cũng như hiệu suất khoa học mà còn phản ánh trình độ và chất lượng thực tế nền giáo dục của mỗi quốc gia. Tại Việt Nam những năm gần đây mặt dù đã có sự quan tâm của của nhiều cơ sở giáo dục trong việc tạo cơ chế khuyến khích các nhà khoa học tập trung nghiên cứu và công bố các kết quả nghiên cứu trong nước và quốc tế nhưng kết quả vẫn còn hạn chế. Nếu so sánh với các kết quả nghiên cứu và công bố các kết quả nghiên cứu của nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới thì khả năng của chúng ta còn nhiều hạn chế, thậm chí có xu hướng ngày càng tụt hậu xa hơn. Theo thống kê của *Viện thông tin khoa học (ISI)*, trong 15 năm qua (1996-2011) Việt Nam mới có 13.172 ấn phẩm khoa học công bố trên các tập san quốc tế có bình duyệt, bằng khoảng một phần năm của Thái Lan (69.637), một phần sáu của Malaysia (75.530), và một phần mười của Singapore (126.881). Trong khi đó, dân số Việt Nam gấp 17 lần Singapore, ba lần Malaysia và gần gấp rưỡi Thái Lan. Việt Nam hiện nay có khoảng 9.000 giáo sư và phó giáo sư, 24.000 tiến sĩ và hơn 100.000 thạc sĩ mà số ấn phẩm khoa học của cả nước trong vòng 15 năm qua chưa bằng 1/5 số công bố của trường Đại học Tokyo (69,806 ấn phẩm) và một nửa của trường Đại học quốc gia Singapore (28,070 ấn phẩm)¹⁰. Không chỉ khiêm tốn về số lượng, chỉ số ảnh hưởng của các công trình nghiên cứu khoa học của

Việt Nam cũng thấp nhất so với những nước trong khu vực. Thứ hạng khiêm tốn này cũng nhất quán với số bằng sáng chế được đăng ký ở Mỹ và chỉ số sáng tạo do Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) xếp hạng.

Có nhiều nguyên nhân cho tình trạng trên nhưng nguyên nhân sâu xa lại bắt nguồn từ tình trạng hạn chế, bất cập trong việc tổ chức giáo dục đại học ở nước ta ngay từ đầu đã ít có khả năng tạo ra một đội ngũ các nhà khoa học có khả năng đáp ứng đầy đủ cả về số lượng và chất lượng nghiên cứu.

Ba là, làm giảm khả năng cạnh tranh của nền kinh tế của đất nước trong điều kiện hội nhập quốc tế. Thực tế cho thấy, sự bất cập, hạn chế trong giáo dục đại học ở nước ta hiện nay không chỉ tác động trực tiếp đến việc làm suy giảm chất lượng nguồn nhân lực mà sâu xa hơn có thể làm suy giảm đến khả năng cạnh tranh toàn cầu của nền kinh tế đất nước trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Theo Báo cáo về Tính Cạnh tranh năng lực toàn cầu 2013-2014 được thực hiện với 148 nước của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) thì Tính hiệu quả của hệ thống giáo dục Việt Nam được xếp ở vị trí 67/144. Ở hạng mục Giáo dục đại học và đào tạo, Việt Nam đứng thứ 95 trong bảng xếp hạng, thứ 7 trong các nước ASEAN: sau Singapore (2), Malaysia (46), Brunei (55), Thái Lan (66), Indonesia (64), Philippines (67). Điều đáng nói là phần liên quan đến giáo dục được WEF xếp vào tiêu chí thứ 4 (sức khỏe và giáo dục cơ sở) và 5 (chất lượng giáo dục và đào tạo cấp cao) trong số 12 tiêu chí then chốt giúp hiệu quả cạnh tranh của nền kinh tế¹¹.

Có thể, những con số so sánh trên đây chưa phản ánh đầy đủ và thực chất của

¹⁰ Giáo sư Nguyễn Văn Tuấn, Đại học New South Wales, Australia

¹¹ Giáo dục Việt Nam thua cả Campuchia (Người lao động online, ngày 06/09/2013)

giáo dục Việt Nam hiện nay nhưng nó cũng là hồi chuông cảnh tỉnh nhắc nhở chúng ta cần có ngay các giải pháp để đổi mới có hiệu quả giáo dục nước nhà trong đó có giáo dục đại học nếu không muốn nó ngày càng tụt hậu xa hơn so với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

3. Các giải pháp đề xuất đổi mới giáo dục đại học

Cùng với quá trình đổi mới đất nước nói chung vấn đề đổi mới nền giáo dục nước nhà trong đó có giáo dục đại học Việt Nam hiện nay luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Văn kiện Đại hội XI của Đảng khẳng định “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế”¹². Ngày 4/11/2013, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục ra Nghị quyết Số: 29-NQ/TW về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, trong đó đã nêu chín giải pháp cho việc đổi mới giáo dục toàn diện. Từ chín giải pháp mang tính định hướng trên đây, đồng thời căn cứ vào những kết quả phân tích từ phần đầu bài viết chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số giải pháp và khuyến nghị nhằm tiếp tục đổi mới hơn nữa giáo dục đại học Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ nhất, cần xây dựng triết lý giáo dục cho nền giáo dục nước nhà trong giai đoạn hiện nay, đồng thời mỗi trường đại học, mỗi cơ sở giáo dục cũng cần có triết lý giáo dục riêng phù hợp với tôn chỉ, mục đích và hướng tới hội nhập vào dòng chảy

phát triển chung của giáo dục quốc tế.

Thứ hai, việc đổi mới tư duy giáo dục hiện nay cần “gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”¹³ như Nghị quyết Trung ương 8, Khóa XI của Đảng khẳng định thì các cấp, các ngành, trước hết là Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có sự thay đổi một cách mạnh mẽ về tư duy trong tổ chức giáo dục đại học, như: thay đổi cách tuyển sinh lựa chọn “đầu vào” theo hướng thoáng hơn, cho phép các cơ sở giáo dục đại học tự đặt ra các tiêu chuẩn tuyển sinh và chịu trách nhiệm với người học bằng chính “uy tín” của mình, cho phép hình thành nhiều mô hình đào tạo đại học khác nhau, kiểm soát chặt chẽ “đầu ra” của mỗi cơ sở đào tạo để đảm bảo chất lượng chung v.v..

Thứ ba, đổi mới mạnh mẽ nội dung chương trình và phương pháp dạy học theo hướng hội nhập quốc tế. Về nội dung chương trình và giáo trình cần được tổ chức xây dựng và triển khai theo hướng mở (cho phép cập nhật thường xuyên về kiến thức trong và ngoài nước, sử dụng giáo trình, học liệu trong nước hoặc ngoài nước một cách linh hoạt để giảng dạy cho người học), nội dung giảng dạy phải gắn chặt và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của ngành nghề mà người học đang theo đuổi. Về phương pháp, tích cực sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học theo nguyên tắc “lấy người học là trung tâm”, giảm tải tối đa giờ giảng

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.130-131.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ Tám (Khóa XI)*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013.

trên lớp để người học có thời gian tự học và tự nghiên cứu. Cố nhiên, các cơ sở đào tạo cần thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, đánh giá khách quan, chặt chẽ để đảm bảo tính hiệu quả của việc dạy và học.

Thứ tư, đổi mới vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước trong tổ chức giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế. Theo đó, về mặt pháp lý cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy định về pháp luật đối với các hoạt động giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế. Các cơ quan quản lý nhà nước mà trực tiếp là Bộ Giáo dục và Đào tạo cần thay đổi cách tư duy về quản lý đối với các hoạt động giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế. Thay vì trực tiếp quản lý toàn diện đối với các cơ sở giáo dục đại học thì các cơ quan quản lý nhà nước chỉ nên đóng vai trò là các cơ quan “tài phán”, định hướng các hoạt động theo luật pháp, đồng thời tạo điều kiện để cho các cơ sở giáo dục đại học được độc lập, tự chủ hơn trong các hoạt động. Cần tránh lối tư duy quản lý theo lối áp đặt, hoặc “bao cấp” đối với các hoạt động giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ năm, tăng cường các hoạt động nghiên cứu và công bố quốc tế tiến tới quốc tế hóa các tiêu chuẩn đánh giá khoa học và

các hoạt động về chuyên môn tại các cơ sở giáo dục đại học. Trước mắt nhà nước, các cơ sở giáo dục đại học cần có các cơ chế chính sách động viên, khuyến khích các nhà khoa học nghiên cứu và tích cực công bố quốc tế các kết quả nghiên cứu. Về lâu dài cần đặt ra lộ trình (đối với mỗi cơ sở giáo dục đại học khác nhau cần có những lộ trình khác nhau) tiến tới quốc tế hóa các tiêu chuẩn đánh giá các hoạt động khoa học và các hoạt động về chuyên môn trong tất cả các cơ sở giáo dục đại học, đồng thời cần coi đây là giải pháp quan trọng để đưa giáo dục đại học Việt Nam hội nhập sâu hơn vào môi trường quốc tế

4. Kết luận

Có vai trò và vị trí hết sức quan trọng trong nền giáo dục nói chung, giáo dục đại học Việt Nam đang đứng trước yêu cầu cần có sự đổi mới toàn diện cả về mục tiêu, nội dung và phương pháp thực hiện. Trên cơ sở phân tích thực trạng và chỉ rõ các nguyên nhân hạn chế, bắt cập bài viết này đã mạnh dạn đề xuất một số giải pháp đổi mới giáo dục đại học Việt Nam trong điều kiện mới, trong đó đặc biệt nhấn mạnh một số giải pháp hướng tới xây dựng một nền giáo dục đại học Việt Nam mở đáp ứng tốt các yêu cầu phát triển của quốc gia trong điều kiện mới và hội nhập quốc tế□.

Abstract

Innovation of Higher Education towards Global Integration in our Country Today

Higher education is one of the crucial contents in most of the national educational systems in the contemporary world. In Vietnam, higher education has been the Party and State's interest and has obtained significant achievements contributing to human resource development for the country through the revolutionary periods. However, in the context of current innovation and global integration, our country's higher education is facing many difficulties and challenges requiring fundamental and comprehensive corrective solutions, among which, the factor of international integration is considered one of the key measures to enable Vietnam higher education to develop more and more.

Keywords: higher education innovation, international integration, Vietnam Higher Education